

Thực trạng chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng viên lâm sàng tại Bệnh viện Quân y 175 năm 2020

Quality of nursing work life at 175 Military Hospital in 2020

Đinh Thị Hồng Vân, Trần Kim Quyên, Lô Thị Ngọc Nữ

Bệnh viện Quân y 175

Tóm tắt

Mục tiêu: Đánh giá về chất lượng cuộc sống công việc (CLCSCV) và một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Quân y 175, năm 2020. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2020. **Kết quả:** Điểm trung bình CLCSCV chung của điều dưỡng viên (ĐDV) lâm sàng bệnh viện là $183,02 \pm 19,84$, đạt mức trung bình - cao. Có mối liên quan giữa CLCSCV cao với các yếu tố: Khối lâm sàng, nhóm tuổi, thâm niên công tác, số giờ làm việc/tuần, nhóm tuổi con thứ hai, trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già, thời gian trực, vị trí điều dưỡng hiện tại có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. **Kết luận:** Mức độ CLCSCV của điều dưỡng lâm sàng ở Bệnh viện Quân y 175 ở mức trung bình - cao. CLCSCV có tác động quan trọng đến việc thu hút và giữ chân nhân viên, nên nhà quản lý bệnh viện cần phải quan tâm nhiều hơn đến chất lượng cuộc sống làm việc của điều dưỡng và các yếu tố ảnh hưởng của nó.

Từ khóa: Chất lượng cuộc sống công việc, điều dưỡng, Bệnh viện Quân y 175.

Summary

Objective: To assess the quality of nursing work life in clinical departments at 175 Military Hospital in 2020 and analyse its relating factors. **Subject and method:** This cross-sectional study was conducted from March to July of 2020. **Result:** The mean score of quality of nursing work life in this study was 183.02 ± 19.84 that was at the level of average high. There were statistically significant associations between the quality of nursing work life and the following factors such as clinical departments, years of work, working time per week, age of the second child, the responsibility of caring for elder parents, additional shifts, and current work position. **Conclusion:** The levels of nursing work-life quality in 175 Military Hospital were at average high level. Quality of work-life effects on attracting and keeping staff staying with the organisation, so that hospital administrator should consider these factors better.

Keywords: Quality of nursing work life, nurses, 175 Military Hospital.

Ngày nhận bài: 01/9/2020, ngày chấp nhận đăng: 06/10/2020

Người phản hồi: Đinh Thị Hồng Vân, Email: phongdieuduong175@gmail.com - Bệnh viện Quân y 175

1. Đặt vấn đề

Chất lượng công tác chăm sóc điều dưỡng (ĐD) là một khía cạnh quan trọng trong việc đánh giá chất lượng chăm sóc sức khỏe của người bệnh. Sự quá tải công việc đã tác động đến môi trường làm việc, khối lượng công việc và chất lượng cuộc sống công việc điều dưỡng. Cùng với xu hướng phát triển của y tế tư nhân, việc cạnh tranh nguồn nhân lực điều dưỡng ngày càng mạnh mẽ do sự thiếu hụt nhân lực kéo dài, vì vậy các nhà quản trị bệnh viện vẫn luôn quan tâm xây dựng môi trường làm việc thu hút sự gắn bó với tổ chức của người lao động hay nói một cách khác là gia tăng CLCSCV của người điều dưỡng để giữ họ lại với đơn vị, tận tâm với nghề.

Kết quả nghiên cứu của Fatihe (2015) có mối tương quan thuận giữa sự hài lòng trong công việc và chất lượng cuộc sống công việc ($p=0,003$, $r = 0,23$) [1]. Ngoài ra, xung đột giữa công việc và gia đình ảnh hưởng mức độ trung bình tới sự hài lòng trong công việc của điều dưỡng ($r = -0,284$, $n = 323$, $p<0,005$) [2]. Cải thiện môi trường làm việc giúp giảm sự không hài lòng công việc, giảm sự kiệt sức của người điều dưỡng [3].

Bệnh viện Quân y 175 là bệnh viện Quân y hạng nhất khu vực phía Nam, phục vụ chăm sóc sức khỏe cho quân dân y từ Đà Nẵng trở vào Nam. Tỷ lệ bác sĩ/ĐD toàn bệnh viện là 1 bác sĩ/1,53 ĐD (T9/2020) (so với tiêu chuẩn của Bộ Y tế 1 bác sĩ/3 - 3,5 ĐD). Chính vì vậy, đánh giá chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng viên là sự cần thiết, do đó nhóm nghiên cứu của chúng tôi tiến hành nghiên cứu về "Thực trạng chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng lâm sàng tại Bệnh viện Quân y 175 năm 2020" nhằm mục tiêu: *Đánh giá điểm trung bình chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng viên lâm sàng. Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống công việc của điều dưỡng viên lâm sàng.*

2. Đối tượng và phương pháp

2.1. Đối tượng

Gồm 384 điều dưỡng viên khối lâm sàng.

2.2.1. Tiêu chuẩn chọn mẫu

Tiêu chuẩn lựa chọn: Điều dưỡng đồng ý tham gia nghiên cứu, có kinh nghiệm công tác > 12 tháng.

Tiêu chuẩn loại trừ: Điều dưỡng vắng mặt > 1 tháng trong khoảng thời gian khảo sát, điều dưỡng làm việc ở khối cơ quan, khối cận lâm sàng, điều dưỡng trong thời gian nghỉ sinh, nghỉ bệnh > 1 tháng, điều dưỡng đi học dài hạn, ngắn hạn > 1 tháng.

2.1.3 Thời gian, địa điểm nghiên cứu

Từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2020. Tại Bệnh viện Quân y 175, số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu để ước lượng 1 trung bình trong quần thể nghiên cứu (4).

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \left(\frac{\sigma}{d} \right)^2$$

n: Cỡ mẫu tối thiểu.

Z: Trị số phân phối chuẩn, với KTC 95% thì Z = 1,96.

α : Xác suất sai lầm loại 1 ($\alpha = 0,05$).

σ : Độ lệch chuẩn của biến cần ước lượng.

d: Độ chính xác mong muốn và nghiên cứu mong muốn; chọn $d = 0,1$.

Thay vào công thức, ta được $n = 384$ đối tượng.

Phương pháp chọn mẫu

Sử dụng kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên đơn. Lấy danh sách điều dưỡng bệnh viện có thời gian công tác > 12 tháng từ cơ quan nhân sự. Mã hóa danh sách bằng cách mỗi đối tượng gắn với 1 mã ID. Sử dụng phần mềm Stata chọn ngẫu nhiên 384 người trong 570 người có ID từ 1 - 570.

Phương pháp thu thập số liệu

Bộ công cụ của tác giả Brooks gồm có 42 câu hỏi được thiết kế tập trung vào việc xác định các yếu tố giúp cho nhà quản lý cải thiện môi trường làm việc của điều dưỡng, đã kiểm tra độ tin cậy của thang đo CLCSCV phiên bản tiếng Việt, hệ số Cronbach's alpha là 0,81, I-CVI = 0,75 và Kappa = 0,67 [5]. Mỗi câu được cho điểm dựa trên thang điểm Likert 6 mức độ (1 → 6) từ rất không đồng ý đến rất đồng ý. Cộng điểm các câu tương ứng với từng khía cạnh, kết quả thu được là điểm số CLCSCV của điều dưỡng từng khía cạnh.

Bảng 1. Bảng điểm trung bình CLCSCV của thang đo (Tác giả Brooks cung cấp) [5]

Mức độ	Tổng điểm	Chất lượng cuộc sống gia đình/công việc	Chất lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	Chất lượng trong quan hệ công sở, cơ hội thăng tiến	Chất lượng về thu nhập, quan điểm xã hội về nghề nghiệp
Phạm vi	42 - 252	7 - 42	10 - 60	20 - 120	5 - 30
Thấp	42 - 112	7 - 18	10 - 26	20 - 38	5 - 12
Trung bình	113 - 182	19 - 29	27 - 44	39 - 77	13 - 20
Cao	183 - 252	30 - 42	45 - 60	78 - 120	21 - 30

2.3. Phân tích dữ liệu

Số liệu sau khi thu thập được xử lý nhập liệu bằng phần mềm Epidata 13.1 và phân tích bằng phần mềm Stata 14.2.

3. Kết quả**3.1. Đánh giá về CLCSCV của điều dưỡng tại các khoa lâm sàng****3.1.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu****Bảng 2. Thông tin chung về dân số - xã hội của điều dưỡng lâm sàng trong nghiên cứu về CLCSCV ở Bệnh viện Quân y 175 năm 2020**

Đặc tính	Số lượng (n = 384)	Tỷ lệ %
Khối lâm sàng		
Khối nội	171	44,53
Khối ngoại	213	55,47
Giới tính		
Nam	101	26,3
Nữ	283	73,7
Nhóm tuổi		
≤ 30 tuổi	168	43,75
31 - 40 tuổi	176	45,83
> 40 tuổi	40	10,42
Trình độ		
Trung cấp	50	13,02
Cao đẳng	161	41,93
Đại học	170	44,27
Sau đại học	3	0,78
Thâm niên công tác		
1 - 5 năm	132	34,38
6 - 10 năm	86	22,4
11 - 15 năm	99	25,33
> 15 năm	67	17,6
Phân nhóm biên chế		
Lao động hợp đồng	231	60,16
Quân nhân chuyên nghiệp	150	39,06
Công nhân quốc phòng	3	0,78

Đối tượng nghiên cứu phân bố đa số ở khối ngoại chiếm 55,47%. Trong 384 đối tượng nghiên cứu thì nữ giới chiếm đa số 73,7% và có nhóm tuổi < 40 tuổi là chủ yếu. Trình độ của đối tượng nghiên cứu ở mức độ cao, đa số là cao đẳng, đại học chiếm 86,2%. Đa số có thời gian công tác < 1 - 5 năm là 34,38%, ít nhất là > 15 năm 17,45%. Lao động hợp đồng chiếm đa số 60,16%.

3.1.2. Điểm CLCSCV của điều dưỡng viên lâm sàng

Bảng 3. Giá trị trung bình điểm CLCSCV của điều dưỡng viên lâm sàng ở Bệnh viện Quân y 175 mỗi khía cạnh trong năm 2020 (n = 384)

Khía cạnh	Trung bình $\pm$ độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất- Lớn nhất	Mức độ
Chất lượng cuộc sống gia đình/công việc	30,22 $\pm$ 4,12	16 - 41	Trung bình - cao
Chất lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	41,23 $\pm$ 5,65	25 - 59	Trung bình - cao
Chất lượng trong quan hệ công sở, cơ hội thăng tiến	92,43 $\pm$ 9,99	50 - 120	Cao
Chất lượng về thu nhập, quan điểm xã hội về nghề nghiệp	19,13 $\pm$ 3,53	9 - 30	Trung bình - cao
Chất lượng cuộc sống công việc	183,02 $\pm$ 19,84	110 - 247	Trung bình - cao

Điểm trung bình chất lượng cuộc sống công việc chung của điều dưỡng viên lâm sàng bệnh viện là 183,02 $\pm$ 19,84, đạt mức trung bình - cao (Brooks, 2001).

Bảng 4. Tỷ lệ mức độ đồng ý đối với các nhóm CLCSCV

Nội dung	Rất không đồng ý	Không đồng ý	1 phần không đồng ý	1 phần đồng ý	Đồng ý	Rất đồng ý
	n/tỷ lệ %	n/tỷ lệ %	n/tỷ lệ %	n/tỷ lệ %	n/tỷ lệ %	n/tỷ lệ %
Chất lượng cuộc sống gia đình/công việc (WH)						
Năng lượng sau ca làm việc	29 (7,55)	75 (19,53)	74 (19,27)	119 (30,99)	81 (21,09)	6 (1,56)
Chất lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (WD)						
Khối lượng công việc quá nhiều	7 (1,82)	23 (5,99)	31 (8,07)	131 (34,11)	145 (37,76)	47 (12,24)
Thực hiện nhiệm vụ không phải của mình	10 (2,60)	59 (15,36)	36 (9,38)	138 (35,94)	112 (29,17)	29 (7,55)
Gián đoạn công việc	5 (1,3)	90 (23,44)	55 (14,32)	149 (38,80)	79 (20,57)	6 (1,56)
Đủ thời gian	2 (0,52)	29 (7,55)	43 (11,20)	103 (26,82)	191 (49,74)	16 (4,17)
Chất lượng trong quan hệ công sở, cơ hội thăng tiến (WC)						
Gắn bó nơi làm việc	3 (0,78)	12 (3,13)	31 (8,07)	70 (18,23)	229 (59,64)	39 (10,16)
Sự tôn trọng từ bác sĩ	8 (2,08)	18 (4,69)	44 (11,46)	128 (33,33)	167 (43,49)	19 (4,95)
Nhận được hỗ trợ thời gian đào tạo	20 (5,21)	64 (16,67)	56 (14,58)	84 (21,88)	143 (37,24)	17 (4,43)
Chất lượng về thu nhập, quan điểm xã hội về nghề nghiệp (WW)						
Phúc lợi bệnh viện	35 (9,11)	92 (23,96)	73 (19,01)	98 (25,52)	80 (20,83)	6 (1,56)

Có 46,36% ĐDV lâm sàng rất không đồng ý đến 1 phần không đồng ý về việc "Tôi vẫn còn năng lượng sau khi làm việc". 84,11% điều dưỡng viên từ 1 phần đồng ý → rất đồng ý về việc "Khối lượng công việc của tôi quá nhiều". Có 72,66% ĐDV lâm sàng đồng ý 1 phần → rất đồng ý về việc "Tôi thực hiện nhiều nhiệm vụ không phải của điều dưỡng". 60,93% ĐDV bị gián đoạn công việc. 88,03% ĐDV cảm thấy gắn bó với nơi làm việc.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến CLCSCV của điều dưỡng viên lâm sàng

Bảng 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến CLCSCV của điều dưỡng viên lâm sàng ở Bệnh viện Quân y 175 năm 2020

Đặc tính	CLCSCV (n = 384/%)		p	PR KTC 95%
	Cao	Trung bình /Thấp		
Yếu tố dân số - xã hội				
Nhóm tuổi				
≤ 30 tuổi	82 (48,8)	86 (51,2)	1	1
31 - 40 tuổi	100 (56,8)	76 (43,2)	0,002*	1,2 (1,07 - 1,38)
> 40 tuổi	30 (75)	10 (25)		1,44 (1,14 - 1,90)
Nhóm tuổi con thứ hai				
< 23 tháng tuổi	16 (61,6)	15 (48,4)	1	1
2 - 5 tuổi	37 (66,1)	9 (33,9)	0,215	1,28 (0,86 - 1,89)
6 - 12 tuổi	36 (50,7)	35 (49,3)	0,933	0,98 (0,65 - 1,48)
13 - 18 tuổi	7 (43,7)	9 (56,3)	0,620	0,85 (0,44 - 1,63)
> 18 tuổi	8 (88,9)	1 (11,1)	0,01	1,72 (1,14 - 2,6)
Trách nhiệm chăm sóc cha/mẹ già				
Có	144 (59,3)	99 (40,8)	0,036	1,18 (1,01- 1,4)
Không	68 (48,2)	73 (51,8)		
Yếu tố công việc				
Khối lâm sàng				
Khối ngoại	106 (49,8)	107 (50,2)	0,017	1,24 (1,04 - 1,48)
Khối nội	106 (62)	65 (38)		
Thâm niên công tác				
1 - 5 năm	63 (47,7)	69 (52,3)	1	1
6 - 10 năm	46 (53,5)	40 (46,5)	0,02*	1,1 (1,01 - 1,18)
11 - 15 năm	62 (62,6)	37 (37,4)		1,21 (1,02 - 1,39)
> 15 năm	41 (61,2)	26 (38,8)		1,46 (1,04 - 1,93)
Số giờ làm việc/tuần				
< 20 giờ	5 (62,5)	3 (37,5)	1	1
20 - 39 giờ	11 (73,3)	4 (26,7)	0,02*	0,87 (0,7 - 0,98)
40 - 59 giờ	127 (56,7)	97 (43,3)		0,76 (0,49 - 0,96)
60 - 79 giờ	59 (54,6)	49 (45,4)		0,58 (0,24 - 0,92)
80 - 99 giờ	10 (35,7)	18 (64,3)		0,33 (0,06 - 0,85)
Từ 100 giờ trở lên	0	1 (100)		0,11 (0,004 - 0,92)

Bảng 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến CLCSCV của điều dưỡng viên lâm sàng ở Bệnh viện Quân y 175 năm 2020 (Tiếp theo)

Đặc tính	CLCSCV (n = 384/%)		p	PR KTC 95%
	Cao	Trung bình /Thấp		
Thời gian trực				
8 giờ	54 (66,7)	27 (33,3)	0,02	0,78 (0,64 - 0,94)
24 giờ	158 (52,2)	145 (47,8)		
Vị trí điều dưỡng hiện tại				
Điều dưỡng viên	199 (54,2)	168 (45,8)	01	
Kíp trưởng	05 (83,3)	1 (16,7)	0,023	1,5 (1,06 - 2,2)
Tổ trưởng tổ điều dưỡng	08 (72,7)	3 (27,3)	0,124	1,34 (1,06 - 2,2)

Nhóm ĐDV lâm sàng có nhóm tuổi càng cao thì CLCSCV càng tăng và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,002$. Nhóm ĐDV lâm sàng có con thứ hai > 18 tuổi có CLCSCV cao gấp 1,72 lần so với nhóm điều dưỡng có con thứ hai < 23 tháng tuổi và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,01$. Nhóm điều dưỡng không có trách nhiệm chăm sóc cha/mẹ già có CLCSCV cao gấp 1,18 lần so với nhóm điều dưỡng có trách nhiệm chăm sóc cha/mẹ già với $p=0,036$ và KTC 95% từ 1,01-1,4.

Nhóm ĐDV làm việc ở khối ngoại có CLCSCV bằng 1,24 lần (tăng 20%) so với điều dưỡng làm việc khối nội và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,017$ và KTC 95% từ 1,04 - 1,48. Nhóm ĐDV lâm sàng có thâm niên công tác càng tăng thì CLCSCV càng tăng và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,02$ và KTC 95% từ 1,01 - 1,18. Mặt khác, nhóm điều dưỡng có số giờ làm việc/tuần càng tăng thì CLCSCV càng giảm và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,02$. Nhóm điều dưỡng có thời gian trực 8 giờ có CLCSCV cao bằng 0,78 lần so với nhóm điều dưỡng trực 24 giờ và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,02$ và KTC 95% từ 0,64 - 0,94. Điều dưỡng với vai trò là kíp trưởng có CLCSCV cao gấp 1,5 lần nhóm điều dưỡng là ĐDV và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p=0,023$ và KTC 95% từ 1,06 - 2,2.

4. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu về thông tin nền của đối tượng nghiên cứu đa số phân bố ở Khối ngoại chiếm 55,47%; nữ giới chiếm 73,7%, đa số < 40 tuổi chiếm 89,58%, độ tuổi sinh đẻ, gây nên sự thiếu hụt nhân sự khi điều dưỡng nữ nghỉ hậu sản, con ốm,... các nghiên cứu khác cũng cho thấy sự mâu thuẫn giữa gia đình - công việc có ảnh hưởng mức độ trung bình đến hài lòng nghề nghiệp, hay những điều dưỡng có ít xung đột giữa gia đình - công việc thì có chất lượng cuộc sống cao hơn [2], [6]. Mặt khác, với số giờ làm việc từ 40 - 59 giờ/tuần, cũng làm cho 46,36% ĐDV lâm sàng không còn nhiều năng lượng sau ca làm việc, kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Suresh (2013) là 48% [4]. Các nghiên cứu khác cũng tìm thấy khi người nhân viên làm việc quá nhiều giờ, quá ít giờ hoặc giờ bất thường có báo cáo rằng họ có CLCSCV thấp hơn các nhóm khác. Các cá nhân làm việc vào những giờ bất thường có thể gây ra sự suy giảm CLCSCV do thực tế là những người có giờ làm việc bất thường có nhiều khả năng suy giảm các mối quan hệ xã hội, gặp khó khăn trong việc tham dự các hoạt động bình thường hàng ngày. Những người làm việc theo ca 12 giờ có khả năng thể hiện sự căng thẳng, kiệt sức và không hài lòng công việc cao gấp 2,5 lần [7]. Có mối tương quan

thuận giữa sự hài lòng trong công việc và CLCSCV ($p=0,003$, $r = 0,23$) [1]. Thời gian làm việc của điều dưỡng lâm sàng bệnh viện đang có tỷ lệ kéo dài hơn so với Luật Lao động (48 giờ/tuần) chiếm tỷ lệ > 40%. Theo nghiên cứu của Kunaviktikul (2015) khảo sát trên 1524 điều dưỡng trong 90 bệnh viện ở Thái Lan, mẫu phân tầng, có mối liên quan giữa thời gian làm việc kéo dài và kết quả điều trị của người bệnh, điều dưỡng và bệnh viện. Điều dưỡng làm việc nhiều hơn hai ca (16 giờ) liên tục so với 1 ca (8 giờ) có kết quả công việc tác động tiêu cực cho người bệnh, điều dưỡng và bệnh viện; điều dưỡng làm việc nhiều giờ hơn có thể đe dọa đến sự an toàn của người bệnh, sự gia tăng một người bệnh trong khối lượng công việc của điều dưỡng làm tăng 7% khả năng tử vong của người bệnh trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhập viện [8], [9]. Hạn chế của nghiên cứu này là khi phân nhóm thời gian còn chứa giá trị 48 giờ theo quy định của Luật Lao động nên chưa phân tích được mối liên quan giữa yếu tố thời gian làm việc/tuần với chất lượng CLCSCV của điều dưỡng. Đây cũng chính là một hướng mới cho các nghiên cứu sau vì số điều dưỡng lâm sàng đang tham gia trực 24 giờ chiếm tỷ lệ cao 78,91%.

Với điểm trung bình CLCSCV chung của ĐDV lâm sàng Bệnh viện Quân y 175 là $183,02 \pm 19,84$, đạt mức trung bình - cao cũng tương đương với nghiên cứu của Brooks, cao hơn nghiên cứu của Suresh (2013) là $146,56 \pm 37,02$ [4] do bộ câu hỏi của Suresh ít hơn 1 câu hỏi, 2 nghiên cứu tiến hành ở 2 thời điểm, trên 2 nhóm nghiên cứu, chính sách dành cho điều dưỡng ở 2 quốc gia (Ấn Độ và Việt Nam) khác nhau. Theo kết quả nghiên cứu có mối liên quan giữa CLCSCV cao với các yếu tố: Khối lâm sàng, nhóm tuổi, thâm niên công tác, số giờ làm việc/tuần, nhóm tuổi con thứ hai, trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già, thời gian trực, vị trí điều dưỡng hiện tại là có ý nghĩa thống kê với $p<0,05$. Kết quả nghiên cứu này có điểm tương đồng với kết quả nghiên cứu của Kaddourah (2018), Wang (2019) về: Độ tuổi, thâm niên công tác, vị trí điều dưỡng hiện tại, số giờ làm việc/tuần, không có người phụ thuộc ở nhà, không làm ca đêm; không tương đồng về: Giới tính, thiếu việc làm, loại bệnh viện, thu nhập, tỷ lệ điều

dưỡng/người bệnh [10], [11] vì có sự khác biệt trong biến số nghiên cứu của 3 nghiên cứu, địa điểm khảo sát, điều này cũng cho thấy sự hạn chế của nghiên cứu này là chưa khảo sát trên nhiều bệnh viện và chưa làm rõ mức độ thu nhập ảnh hưởng đến CLCSCV.

5. Kết luận

Điểm trung bình chất lượng cuộc sống công việc chung của ĐDV lâm sàng Bệnh viện là $183,02 \pm 19,84$, đạt mức trung bình - cao (Brooks, 2001). Có mối liên quan giữa CLCSCV cao với các yếu tố: Khối lâm sàng, nhóm tuổi, thâm niên công tác, số giờ làm việc/tuần, nhóm tuổi con thứ hai, trách nhiệm chăm sóc cha mẹ già, thời gian trực, vị trí điều dưỡng hiện tại là có ý nghĩa thống kê với $p<0,05$.

Khuyến nghị

Bệnh viện cần nghiên cứu phát triển các chiến lược để cải thiện môi trường làm việc của điều dưỡng viên, hỗ trợ điều kiện cho họ chăm sóc con cái và cha mẹ già; đánh giá khối lượng công việc các vị trí việc làm, luân chuyển nhân lực, chuyển đổi chế độ trực 24 giờ sang 16 giờ/8 giờ và đảm bảo đủ nhân lực cần thiết cho hoạt động chăm sóc người bệnh.

Tài liệu tham khảo

1. Kermansaravi F, Navidian A, Rigi SN, Yaghoubinia F (2015) *The relationship between quality of work life and job satisfaction of faculty members in Zahedan University of Medical Sciences*. Global Journal of Health Science 7(2): 228.
2. AlAzzam M, AbuAlRub RF, Nazzal AH (2017) *The relationship between work-family conflict and Job satisfaction among hospital nurses*. Nursing Forum 52(4): 278-288.
3. Liu K, You L-M, Chen S-X, Hao Y-T, Zhu X-W, Zhang L-F et al (2012) *The relationship between hospital work environment and nurse outcomes in Guangdong, China: A nurse questionnaire survey*. Journal of Clinical Nursing 21(9-10): 1476-1485.
4. Suresh D (2013) *Quality of nursing work life among nurses working in selected government and private hospitals in Thiruvananthapuram: SCTIMST*.

5. Brooks (2007) *Assessing the quality of nursing work life*. Nursing Administration Quarterly 31(2): 152-157.
6. Sedoughi Z, Sadeghi M, Shahraki SK, Anari SHS, Amiresmaili M (2016) *The relation of work, family balance, and life quality of nurses working at teaching hospitals of Kerman-Iran*. Bali Medical Journal 5(1): 124-129.
7. Stimpfel (2012) *The longer the shifts for hospital nurses, the higher the levels of burnout and patient dissatisfaction*. Health affairs 31(11): 2501-2509.
8. Kunaviktikul W, Wichaikhum O, Nantsupawat A, Nantsupawat R, Chontawan R, Klunklin A et al (2015) *Nurses' extended work hours: Patient, nurse and organizational outcomes*. International nursing review 62(3): 386-393.
9. Kowitlawkul Y, Yap SF, Makabe S, Chan S, Takagai J, Tam WWS et al (2019) *Investigating nurses' quality of life and work-life balance statuses in Singapore*. International Nursing Review 66(1): 61-69.
10. Kaddourah (2018) *Quality of nursing work life and turnover intention among nurses of tertiary care hospitals in Riyadh: A cross-sectional survey*. BMC nursing 17(1): 43.
11. Wang Q-Q, Lv W-J, Qian R-L, Zhang Y-H (2019) *Job burnout and quality of working life among Chinese nurses: A cross-sectional study*. Journal of Nursing Management 27(8): 1835-1844.